

Bản án số: 351/2022/DS-PT
Ngày: 29-12-2022
V/v Tranh chấp HĐ vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Hữu Chiến.

Các Thẩm phán:

Bà Trương Thị Tuyên;

Ông Trần Tuấn Vũ.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Phở, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Huỳnh Thị Mộng Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 401/2022/TLPT-DS ngày 04 tháng 11 năm 2022; do Bản án Dân sự sơ thẩm số 120/2022/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 405/2022/QĐ-PT ngày 29 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1964; trú tại: ấp B, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông **Huỳnh Văn M**, sinh năm 1964; trú tại: khu phố X, phường Y, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, theo văn bản ủy quyền được chứng thực ngày 26-4-2022; có mặt.

- Bị đơn:

1. Ông **Hồ Văn M1**, sinh năm 1957;

2. Bà **Nguyễn Thị R**, sinh năm 1964;

3. Chị **Hồ Thị P**, sinh năm 2000;

Cùng trú tại: ấp P, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; ông Hồ Văn M1 có đơn xin xét xử vắng mặt, bà R và chị P có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị R: ông **Nguyễn Văn T** là Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH MTV Bảo Pháp - Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh, có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông **Huỳnh Văn M**, sinh năm 1964; trú tại: khu phố X, phường Y, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Do có kháng cáo của ông Hồ Văn M1; bà Nguyễn Thị R; chị Hồ Thị P;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28-02-2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – bà Nguyễn Thị V trình bày:

Vào ngày 01-11-2021, vợ chồng ông Hồ Văn M1, bà R và con gái Hồ Thị P có vay của bà số tiền 1.565.000.000 đồng. Cùng ngày 01-11-2021 bà R vay thêm 30.000.000 đồng. Đến ngày 23/11/2021 bà R vay thêm 20.000.000 đồng, tổng cộng là 1.615.000.000 đồng. Mục đích vay tiền là để lấy sổ đỏ trong ngân hàng ra bán đất và hẹn đến ngày 25-11-2021 sẽ trả tiền cho bà.

Đến ngày 03-11-2021 có trả trước cho bà số tiền 250.000.000 đồng. Số tiền còn nợ lại là 1.365.000.000 đồng. Từ đó đến nay bà đã đến nhà và gọi điện thoại nhiều lần nhưng bà R, ông Hồ Văn M, chị P không trả.

Bà khởi kiện yêu cầu ông Hồ Văn M1, bà R và chị P có trách nhiệm trả cho bà số tiền 1.365.000.000 đồng cùng với lãi suất 1,66%/tháng.

Ngày 22-7-2022 bà Nguyễn Thị V và ông Huỳnh Văn M (viết tắt Huỳnh M) có lời khai thừa nhận ngày 08-12-2021, tại trụ sở Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) chi nhánh Tây Ninh bà R, chị P đã trả cho ông Huỳnh M số tiền 985.000.000 đồng; tổng cộng bà R, ông Hồ M1, chị P đã trả được là 1.235.000.000 đồng. Ông Huỳnh M và bà V xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện; không yêu cầu ông Hồ M1, bà R, chị P có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông bà số tiền 985.000.000 đồng.

Bà yêu cầu ông Hồ Văn M1, bà R, chị P trả cho vợ chồng bà số tiền vay gốc 380.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Huỳnh Văn M trình bày:

Ông thống nhất với toàn bộ lời trình bày của bà V theo nội dung đơn khởi kiện.

Ngày 03-11-2021 bà R, chị P có trả trước cho vợ chồng ông số tiền 250.000.000 đồng

Ngày 08-12-2021 tại trụ sở Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) chi nhánh Tây Ninh ông có nhận của bà R, chị P số tiền 985.000.000 đồng. Tổng cộng ông Hồ Văn M, chị P, bà R đã trả được 1.235.000.000 đồng.

Nay ông và bà V yêu cầu ông Hồ Văn M1, bà R, chị P trả cho vợ chồng ông số tiền 380.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị R trình bày:

Vào ngày 01-11-2021 vợ chồng bà có vay của bà V số tiền 1.500.000.000 đồng đồng, lãi suất 3.000.000 đồng/1 ngày/số tiền vay, tính thời gian vay là 22 ngày nên tính ra tiền lãi 65.000.000 đồng, cộng luôn vào gốc thành số tiền 1.565.000.000 đồng. Khi vay tiền bà V có lập sẵn mẫu giấy cho mượn tiền, bà là người viết nội dung vay số tiền 1.565.000.000 đồng. Bà thừa nhận chữ viết nội dung vay tiền là của bà, bà có ký tên vào mục người vay tiền; ông Hồ Văn M1 ký tên mục bên chồng, chị P ký tên làm chứng. Thực tế bà chỉ nhận số tiền 1.500.000.000 đồng từ ông Huỳnh M và bà V.

Cùng ngày 01-11-2021 do thiếu tiền lãi ngân hàng nên bà vay thêm 30.000.000 đồng và ngày 23-11-2021 vay thêm 20.000.000 đồng của bà V. Lãi suất ghi trong giấy nợ là 3%/tháng, thực tế lãi suất hai bên thỏa thuận là 3.000.000 đồng/ngày/1.500.000.000 đồng, tương đương 5,57%/tháng.

Tổng cộng số tiền vợ chồng bà vay của bà V là 1.550.000.000 (một tỷ năm trăm năm mươi triệu) đồng, không phải 1.615.000.000 đồng như bà V trình bày.

Ngày 03-11-2021 vợ chồng bà trả cho bà V được số tiền 250.000.000 đồng, tại Văn phòng công chứng Kiều Thị Huyền Châu do ông Huỳnh Văn M là người trực tiếp nhận. Đến ngày 08-12-2021 tại trụ sở Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) chi nhánh Tây Ninh vợ chồng bà có nhờ con gái vay tiền tại ngân hàng trả cho vợ chồng bà V; bà trực tiếp trả cho ông Huỳnh M số tiền 1.100.000.000 đồng. Như vậy vợ chồng bà đã trả cho bà V được số tiền 1.350.000.000 đồng, còn nợ lại bà V số tiền 200.000.000 đồng.

Bà V khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà cùng con gái Hồ Thị P trả cho vợ chồng bà V số tiền 380.000.000 đồng; vợ chồng bà và chị P không đồng ý. Vợ chồng bà chỉ đồng ý trả cho bà V, ông Huỳnh M số tiền 200.000.000 đồng, xin không trả lãi do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn.

Về nội dung bà V yêu cầu chị P có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng vợ chồng bà, bà không đồng ý. Lý do chị P chỉ là nhân chứng, ký tên chứng kiến vợ chồng bà có vay tiền của bà V. Người trực tiếp giao dịch vay tiền và có trách nhiệm trả nợ cho bà V là vợ chồng bà; chị P không vay, không có trách nhiệm trả.

Bị đơn ông Hồ Văn M1 trình bày:

Ông thống nhất toàn bộ lời khai, lời trình bày của bà R trong quá trình giải quyết vụ án, không bổ sung gì thêm.

Bị đơn chị Hồ Thị P trình:

Chị là con gái của ông Hồ Văn M1, bà Nguyễn Thị R, chị có ký tên làm chứng cho cha mẹ chị vay của bà V số tiền 1.500.000.000 đồng; mục đích vay để

đáo hạn ngân hàng. Chữ ký, chữ viết ghi tên Hồ Thị P trong giấy mượn tiền đề ngày 01-11-2021 là của chị. Mọi giao dịch thỏa thuận vay mượn tiền là do cha mẹ chị giao dịch với bà V đến hạn chưa có tiền trả nợ, bà V làm lại giấy nợ, yêu cầu chị ra ký tên làm chứng cho việc vay mượn tiền của cha mẹ chị. Chị không nhớ cụ thể ký tên vào ngày nào và chị không chứng kiến việc giao nhận tiền giữa bà V và cha mẹ chị.

Nay bà V khởi kiện buộc chị có nghĩa vụ liên đới cùng cha mẹ chị trả nợ cho bà V chị không đồng ý. Về số tiền vay gốc đã trả cho ông Huỳnh M và bà V, ngày 08-12-2021 chị có làm hợp đồng vay vốn tại ngân hàng VIB vay số tiền 1.350.000.000 đồng, chị và bà R đã trả cho trực tiếp cho ông Huỳnh M ngay tại ngân hàng số tiền 1.100.000.000 đồng.

Người làm chứng - anh Đinh Công Hoàng Tuấn trình bày:

Anh và bà V, ông Huỳnh Văn M, bà R, chị P, ông Hồ Văn M1 chỉ có mối quan hệ quen biết, không có quan hệ bà con ruột thịt. Ngày 08-12-2021 tại trụ sở Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIB), anh có chứng kiến bà R, chị P giao tiền cho ông Huỳnh Văn M nhưng anh không xác định được số tiền cụ thể là bao nhiêu. Lý do anh không phải là người trực tiếp đếm tiền và giao tiền cho ông Huỳnh Văn M. Tại thời điểm đó anh chỉ biết người nhận tiền là chồng bà V không biết họ tên cụ thể, sau này lên tòa mới biết tên người nhận tiền tên là Huỳnh Văn M. Anh là nhân viên ngân hàng VIB, anh là người trực tiếp làm hồ sơ cho chị P vay tiền tại ngân hàng. Ngày 08-12-2021 chị P đề nghị rút tiền mặt tại ngân hàng số tiền 1.100.000.000 đồng, số tiền còn lại giải ngân vào tài khoản của khách hàng là chị Hồ Thị P. Anh không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến số tiền mà bà R, chị P đưa cho ông Huỳnh Văn M.

Ngoài ra anh Tuấn không cung cấp thông tin gì thêm

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 120/2022/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 288, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, khoản 1 Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 3 Điều 24, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V về yêu cầu buộc ông Hồ Văn M1, bà Nguyễn Thị R, chị Hồ Thị P trả số tiền vay gốc 985.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Hồ Văn M, bà Nguyễn Thị R, chị Hồ Thị P.

Buộc ông Hồ Văn M1, bà Nguyễn Thị R, chị Hồ Thị P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị V và ông Huỳnh Văn M số tiền vay gốc là 380.000.000 đồng (ba trăm tám mươi triệu) đồng. Ghi nhận bà V, ông Huỳnh M không yêu cầu tính lãi.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 06-10-2022, ông Hồ Văn M1 và bà Nguyễn Thị R kháng cáo chấp nhận trả cho ông Huỳnh Văn M, bà Nguyễn Thị V số tiền 250.000.000 đồng; chị P không liên quan đến số nợ trên nên không liên đới trả nợ.

Chị Hồ Thị P kháng cáo không chấp nhận cùng liên đới với ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Thị R trả cho vợ chồng bà V số tiền 380.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hồ Văn M1, bà Nguyễn Thị R và chị Hồ Thị P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; ông Huỳnh Văn M không chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Văn M1, bà R và chị P yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành đúng Nội quy phiên tòa;

+ Về nội dung: : đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Văn M1, bà Nguyễn Thị R và chị Hồ Thị P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận của các đương sự tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: đơn kháng cáo của ông Hồ Văn M1, bà Nguyễn Thị R và chị Hồ Thị P trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hồ Văn M1 có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông M1 theo quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Vợ chồng bà V, ông Huỳnh Văn M khởi kiện yêu cầu ông Hồ Văn M1, bà Nguyễn Thị R và chị Hồ Thị P trả số tiền vốn vay còn nợ là 380.000.000 đồng; và cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm:

- Giấy cho mượn tiền lập ngày 01-11-2021, số tiền vay là 1.565.000.000 đồng, ký tên người vay là chồng ông Hồ Văn M1, vợ Nguyễn Thị R, con gái Hồ Thị P.

- Biên nhận do bà R viết có nội dung: ngày 01-11-2021 có mượn thêm 30.000.000 đồng; ngày 23-11-2021 mượn thêm 20.000.000 đồng ký tên, ghi họ và tên Nguyễn Thị R.

[3] Ông Hồ Văn M1, bà Nguyễn Thị R và chị Hồ Thị P đều xác nhận chữ viết và chữ ký giấy cho mượn tiền nêu trên đúng chữ viết, chữ ký của ông M1, bà R và chị P.

Bà R cho rằng trong số tiền vay nêu trên 1.615.000.000 đồng thì có 65.000.000 đồng là tiền lãi, còn tiền vốn là 1.550.000.000 đồng. Do điều kiện gia đình khó khăn nên xin trả tiền vốn và vợ chồng bà đã trả được cho bà V, ông Huỳnh Văn M số tiền vốn là 1.350.000.000 đồng nên chỉ còn nợ vợ chồng bà V số tiền 200.000.000 đồng.

[4] Bà V, ông Huỳnh Văn M cho rằng số tiền vợ chồng bà R, ông Hồ Văn M1 vay 1.615.000.000 đồng là tiền vốn và đã trả được 02 lần (ngày 03-11-2021 bà R trả số tiền 250.000.000 đồng; ngày 08-12-2021 tại trụ sở Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) chi nhánh Tây Ninh bà R, chị P trả số tiền 985.000.000 đồng) tổng cộng là 1.235.000.000 đồng nên còn nợ lại số tiền 380.000.000 đồng.

[5] Xét thấy, Giấy cho mượn tiền và 02 biên nhận nợ đều do bà R viết có nội dung xác định tất cả số tiền vay là tiền vốn, không có tiền lãi và cho rằng sau khi vay trả được tổng cộng là 1.350.000.000 đồng nhưng vợ chồng ông Huỳnh Văn M, bà Nguyễn Thị V không thừa nhận; vợ chồng bà R không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền còn nợ là 380.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Văn M1 và bà R về việc chỉ chấp nhận nợ bà V, ông Huỳnh Văn M số tiền 250.000.000 đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không được chấp nhận.

Chị Hồ Thị P và ông Hồ Văn M1, bà R kháng cáo không đồng ý chị P liên đới trả số tiền nợ 380.000.000 đồng. Xét thấy, Giấy cho mượn tiền lập ngày 01-11-2021 có chữ ký của chị P ở mục người vay tiền và sau khi vay tiền của vợ chồng bà V, chị P và bà R trả nợ ngân hàng lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra vợ chồng bà R sang tên cho chị P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị P và vợ chồng bà R, ông Hồ Văn M1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị V và ông Huỳnh Văn M số tiền vay gốc là 380.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[7] Từ những phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của chị Hồ Thị P và ông Hồ Văn M1, bà Nguyễn Thị R; chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[8] Về án phí: căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Hồ Văn M1 là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm dân sự;

Bà Nguyễn Thị R và chị Hồ Thị P mỗi người phải chịu 300.000. đồng án phí phúc thẩm dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Văn M, bà Nguyễn Thị R và chị Hồ Thị P;

Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 120/2022/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào Điều 288, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, khoản 1 Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 3 Điều 24, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V về yêu cầu buộc ông Hồ Văn M1, bà Nguyễn Thị R, chị Hồ Thị P trả số tiền vay gốc 985.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Hồ Văn M1, bà Nguyễn Thị R, chị Hồ Thị P.

Buộc ông Hồ Văn M1, bà Nguyễn Thị R, chị Hồ Thị P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị V và ông Huỳnh Văn M số tiền vay gốc là 380.000.000 đồng (ba trăm tám mươi triệu) đồng. Ghi nhận bà V, ông Huỳnh M không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hồ Văn M1 được miễn nộp án phí.

Bà Nguyễn Thị R và chị Hồ Thị P phải chịu 12.666.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị V không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 26.475.000 đồng theo biên lai thu số 0017188 ngày 04-3-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

3.2 Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Hồ Văn M1 được miễn nộp án phí.

Bà Nguyễn Thị R phải chịu 300.000 đồng, cho khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0017727 ngày 07-10-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Chị Hồ Thị P phải chịu 300.000 đồng.

Bà Bà Nguyễn Thị V không phải chịu án phí.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND.TTN;
- TAND. H.Châu Thành;
- Chi cục THADS. H.Châu Thành;
- Phòng KTNV. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án DSPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Hữu Chiến

